

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

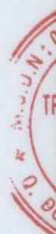
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Hoàng Hải Anh	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên
Ông Phạm Quang Huy	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 02 năm 2015)
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên
Ông Đoàn Thành Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Sinh Dũng Thăng	Ủy viên
Ông Takahiro Yazawa	Ủy viên
Ông Trịnh Thế Phương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 02 năm 2015)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Quang Huy	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 02 năm 2015)
Bà Hoàng Hải Anh	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2015)
Ông Trần Hùng Dũng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phó Giám đốc
Ông Mai Trung Dũng	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2015)
Ông Đặng Minh Quang	Phó Giám đốc
Bà Thái Việt Anh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán, phù hợp với Hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đặng Minh Quang
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Số: 0090 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2015 từ trang 5 đến trang 29. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 nhưng chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán, phù hợp với Hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Không phù hợp nhận kết luận nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng giá trị đầu tư của Công ty vào cổ phiếu chưa niêm yết là 187.775.938.444 đồng, số dư các khoản ủy thác đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết là 50.122.076.026 đồng. Căn cứ trên cơ sở thông tin thu thập được từ các báo giá của ba (3) công ty chứng khoán, Công ty đã trích lập 2.306.629.126 đồng dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC). Công ty đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng thông tin trên các báo giá thu thập được phản ánh giá trị thị trường của các khoản đầu tư này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 7 - Các khoản phải thu ngắn hạn phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản phải thu khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm 55.000.000.000 đồng phải thu một nhóm các nhà đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh (Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất nêu trên) và một số tài sản khác với tổng giá trị 68.471.839.199 đồng để đảm bảo về khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường và tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao, Công ty có thể kiểm soát và thanh lý tài sản để thu hồi nợ và giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu đối với các khoản phải thu này. Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý khả năng thu hồi khoản phải thu nêu trên sẽ phụ thuộc vào tình hình tài chính, khả năng thanh toán của nhà đầu tư cũng như khả năng xử lý tài sản bảo đảm của nhà đầu tư và Công ty.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		816.336.670.071	785.956.242.502
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	304.018.449.034	268.890.679.368
1. Tiền	111		238.318.449.034	251.590.679.368
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.700.000.000	17.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	252.618.834.607	262.512.211.922
1. Đầu tư ngắn hạn	121		262.738.853.508	264.841.439.330
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(10.120.018.901)	(2.329.227.408)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	253.170.792.426	249.005.039.165
1. Phải thu khách hàng	131		247.515.073.715	221.028.342.064
2. Trả trước cho người bán	132		389.280.000	372.512.500
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		10.000	1.090.000
4. Các khoản phải thu khác	138	7	10.492.978.547	29.175.097.835
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.226.549.836)	(1.572.003.234)
IV. Hàng tồn kho	140		3.466.606.349	2.819.516.733
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.061.987.655	2.728.795.314
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		593.316.975	651.926.654
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		107.620.856	85.580.739
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.361.049.824	1.991.287.921
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		25.584.278.897	27.888.084.105
I. Tài sản cố định	220		2.299.874.083	3.600.052.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.721.196.174	2.805.330.987
- Nguyên giá	222		17.744.617.830	17.744.617.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.023.421.656)	(14.939.286.843)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	578.677.909	794.721.160
- Nguyên giá	228		14.029.653.695	14.029.653.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.450.975.786)	(13.234.932.535)
II. Tài sản dài hạn khác	260		23.284.404.814	24.288.031.958
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		13.350.970.878	14.176.804.128
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	10	8.303.404.226	6.264.447.830
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.630.029.710	3.846.780.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		841.920.948.968	813.844.326.607

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		249.507.875.176	214.861.218.141
I. Nợ ngắn hạn	310		249.497.402.434	214.850.745.399
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		43.220.288	42.272.788
3. Người mua trả tiền trước	313		254.906.645	170.406.645
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	508.757.645	1.974.164.723
5. Phải trả người lao động	315		2.544.338.993	2.772.331.295
6. Chi phí phải trả	316	12	1.269.189.977	1.833.357.592
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	76.403.109.319	61.490.100.828
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		133.579.984.238	116.561.806.802
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		33.947.896.016	30.079.671.803
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		140.982.923	(74.217.077)
11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		805.016.390	850.000
II. Nợ dài hạn	330		10.472.742	10.472.742
1. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		10.472.742	10.472.742
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		592.413.073.792	598.983.108.466
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	592.413.073.792	598.983.108.466
1. Vốn điều lệ	411		598.413.000.000	598.413.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		67.439.970.360	67.439.970.360
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.740.232.026	6.740.232.026
4. Lỗ lũy kế	420		(80.180.128.594)	(73.610.093.920)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		841.920.948.968	813.844.326.607

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-CTCK
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	30/6/2015	31/12/2014
1. Chứng khoán lưu ký	006	12.570.723.200.000	12.241.614.990.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	10.596.331.470.000	10.365.445.110.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	9.418.700.000	135.170.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	10.509.194.650.000	10.287.591.820.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	77.718.120.000	77.718.120.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	1.894.331.580.000	1.835.841.300.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	1.805.168.580.000	1.746.678.300.000
1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	89.163.000.000	89.163.000.000
1.3. Chứng khoán cầm cố	017	36.410.020.000	20.000.000.000
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	36.410.020.000	20.000.000.000
1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027	41.005.200.000	19.068.470.000
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	1.173.100.000	-
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	39.832.100.000	19.068.470.000
1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	037	2.644.930.000	1.260.110.000
1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	340.000	50.000
1.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	2.644.590.000	1.260.060.000
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	150.532.490.000	180.773.780.000

Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Đặng Minh Quang
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		40.477.482.113	47.425.475.604
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		6.316.496.376	8.890.339.923
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		3.876.363.163	11.230.223.797
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		3.592.830.932	4.472.353.636
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		5.151.247.339	1.799.818.708
Doanh thu khác	01.9	15	21.540.544.303	21.032.739.540
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01)	10		40.477.482.113	47.425.475.604
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	27.258.371.920	31.504.730.638
4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		13.219.110.193	15.920.744.966
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	19.011.262.340	12.695.506.885
6. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		(5.792.152.147)	3.225.238.081
7. Thu nhập khác	31		138.471.396	434.500
8. Chi phí khác	32		17.953.923	27.464.174
9. Lãi/(lỗ) khác (40=31-32)	40		120.517.473	(27.029.674)
10. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(5.671.634.674)	3.198.208.407
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
12. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(5.671.634.674)	3.198.208.407
13. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	(95)	53


Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập


Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng


Đặng Minh Quang
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B03a-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(5.671.634.674)	3.198.208.407
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.300.178.064	2.715.951.281
Các khoản dự phòng	03	11.445.338.095	14.010.548.912
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.309.048.002)	(6.428.625.216)
Chi phí lãi vay	06	-	731.923.612
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.764.833.483	14.228.006.996
Thay đổi các khoản phải thu	09	(7.745.099.308)	1.193.048.154
Thay đổi hàng tồn kho	10	(647.089.616)	(2.381.878.289)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31.994.100.639	87.715.396.935
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	2.595.226.731	78.737.791.793
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(827.923.612)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	2.216.750.290	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(284.800.000)	(624.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.893.922.219	178.039.491.977
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(114.297.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.233.847.447	6.428.625.216
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.233.847.447	6.314.328.216
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	70.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(110.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(40.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	35.127.769.666	144.353.820.193
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	268.890.679.368	216.127.072.454
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	304.018.449.034	360.480.892.647


Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập


Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Đặng Minh Quang
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 05-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2014	01/01/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014		Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015		30/6/2014	30/6/2015
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
Vốn điều lệ	14	598.413.000.000	598.413.000.000	-	-	-	-	598.413.000.000	598.413.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	14	67.439.970.360	67.439.970.360	-	-	-	-	67.439.970.360	67.439.970.360
Quỹ dự phòng tài chính	14	6.740.232.026	6.740.232.026	-	-	-	-	6.740.232.026	6.740.232.026
Lỗi lũy kế	14	(78.132.088.502)	(73.610.093.920)	3.198.208.407	(500.000.000)	-	(6.570.034.674)	(75.433.880.095)	(80.180.128.594)
		594.461.113.884	598.983.108.466	3.198.208.407	(500.000.000)	-	(6.570.034.674)	597.159.322.291	592.413.073.792



Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập



Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Đặng Minh Quang
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng với các cổ đông chiến lược khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103014903 ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Ngày 18 tháng 02 năm 2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 598.413.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 150 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 149 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán, phù hợp với Hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư ngắn hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm hình thức “hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý danh mục đầu tư, ủy thác quản lý vốn” với nhà đầu tư. Theo đó, lợi nhuận phân chia cho Công ty không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của nhà đầu tư; Công ty được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ cố định trên phần vốn hợp tác của mình, theo số ngày thực tế hợp tác.

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn của Bộ Tài chính. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty trích lập dự phòng căn cứ vào giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.
- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động đầu tư cổ phiếu (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động ủy thác đầu tư

Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi thu được từ hoạt động mua bán chứng khoán, lãi ủy thác quản lý danh mục đầu tư, hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn, lãi thu được từ hoạt động giao dịch ký quỹ, doanh thu từ phí tham gia bộ chỉ số PVN-Index. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, mặc dù Công ty có phát sinh lỗ lũy kế, tuy nhiên, do không chắc chắn về lợi ích kinh tế trong tương lai thu được từ các khoản này cũng như các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế thu nhập doanh nghiệp không trọng yếu nên Công ty không ghi nhận tài sản/công nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	142.308.696	102.686.219
Tiền gửi ngân hàng	211.243.625.921	215.016.476.281
<i>Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	<i>182.425.819.041</i>	<i>140.664.891.576</i>
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	26.932.514.417	36.471.516.868
<i>Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	<i>26.837.095.985</i>	<i>35.529.019.608</i>
Các khoản tương đương tiền	65.700.000.000	17.300.000.000
	304.018.449.034	268.890.679.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chứng khoán kinh doanh		
Cổ phiếu chưa niêm yết - giao dịch phi tập trung (i)	187.775.938.444	209.537.345.644
Cổ phiếu niêm yết	22.267.575.655	105.441.842
	<u>210.043.514.099</u>	<u>209.642.787.486</u>
Đầu tư ngắn hạn khác		
Hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn, ủy thác quản lý danh mục đầu tư (ii)	50.122.076.026	50.122.076.026
Hợp đồng mua chứng khoán, bán chứng khoán	2.573.263.383	5.076.575.818
	<u>52.695.339.409</u>	<u>55.198.651.844</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(2.306.629.126)	(2.302.953.326)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(7.813.389.775)	(26.274.082)
	<u>(10.120.018.901)</u>	<u>(2.329.227.408)</u>
Đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>252.618.834.607</u>	<u>262.512.211.922</u>

- (i) Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu chưa niêm yết, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về rủi ro giá của các cổ phiếu này và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 công ty chứng khoán để trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này với số tiền là 2.306.629.126 VND.
- (ii) Thể hiện số dư các hợp đồng hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn và ủy thác quản lý danh mục đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 công ty chứng khoán và khẳng định Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết biến động giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh:

Chỉ tiêu	Giá trị theo sổ kế toán		Tăng giá so với giá thị trường		Giảm giá so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	22.267.575.655	105.441.842	52.928.120	36.114.040	7.813.389.775	26.274.082	14.507.114.000	115.281.800
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	551.370	551.370	228.730	228.730	-	-	780.100	780.100
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	103.830	103.830	-	-	17.330	330	86.500	103.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	265.720	265.720	-	-	132.320	85.920	133.400	179.800
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	21.762.104.210	-	-	-	7.790.775.410	-	13.971.328.800	-
Các cổ phiếu khác	504.550.525	104.520.922	52.699.390	35.885.310	22.464.715	26.187.832	534.785.200	114.218.400
Cổ phiếu chưa niêm yết	187.775.938.444	209.537.345.644	57.500	35.100	2.306.629.126	2.302.953.326	185.469.366.818	207.234.427.418
Tổng cộng	210.043.514.099	209.642.787.486	52.985.620	36.149.140	10.120.018.901	2.329.227.408	199.976.480.818	207.349.709.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh lũy kế từ đầu kỳ đến cuối kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Quá hạn	Khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Quá hạn	Khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
1. Phải thu khách hàng (i)	221.028.342.064	2.226.938.794	-	1.251.792.694.419	1.225.305.962.768	247.515.073.715	9.427.361.005	-	5.226.549.836
2. Trả trước cho người bán	372.512.500	-	-	551.680.000	534.912.500	389.280.000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.090.000	-	-	9.841.030.000	9.842.110.000	10.000	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	-	-	9.840.000.000	9.840.000.000	-	-	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	1.090.000	-	-	1.030.000	2.110.000	10.000	-	-	-
4. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	117.005.713	117.005.713	-	-	-	-
5. Phải thu nội bộ	-	-	-	305.633.541.732	305.633.541.732	-	-	-	-
6. Phải thu khác (ii)	29.175.097.835	-	-	53.265.539.511	71.947.658.799	10.492.978.547	-	-	-
Cộng	250.577.042.399	2.226.938.794	-	1.621.201.491.375	1.613.381.191.512	258.397.342.262	9.427.361.005	-	5.226.549.836

(i) Số dư các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bao gồm 55.000.000.000 đồng phải thu một nhóm các nhà đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh (Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất nêu trên) và một số tài sản khác với tổng giá trị 68.471.839.199 đồng để đảm bảo về khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường và tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao, Công ty có thể kiểm soát và thanh lý tài sản để thu hồi nợ và giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu đối với các khoản phải thu này.

(ii) Chi tiết số dư các khoản phải thu khác như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Cổ tức và lãi tiền gửi	358.743.488	283.542.933
Phải thu do chi hệ đối tác	258.921.905	215.580.178
Phải thu về hợp đồng ký quỹ chứng khoán	-	23.176.862.123
Phải thu khác	9.875.313.154	5.499.112.601
	10.492.978.547	29.175.097.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	14.847.754.130	2.896.863.700	17.744.617.830
Tại ngày 30/6/2015	14.847.754.130	2.896.863.700	17.744.617.830
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	12.916.834.553	2.022.452.290	14.939.286.843
Khấu hao trong kỳ	948.842.650	135.292.163	1.084.134.813
Tại ngày 30/6/2015	13.865.677.203	2.157.744.453	16.023.421.656
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	982.076.927	739.119.247	1.721.196.174
Tại ngày 31/12/2014	1.930.919.577	874.411.410	2.805.330.987

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	12.989.653.695	1.040.000.000	14.029.653.695
Tại ngày 30/6/2015	12.989.653.695	1.040.000.000	14.029.653.695
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	12.923.104.578	311.827.957	13.234.932.535
Khấu hao trong kỳ	62.709.915	153.333.336	216.043.251
Tại ngày 30/6/2015	12.985.814.493	465.161.293	13.450.975.786
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	3.839.202	574.838.707	578.677.909
Tại ngày 31/12/2014	66.549.117	728.172.043	794.721.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	8.183.404.226	6.144.447.830
	8.303.404.226	6.264.447.830

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	80.483.612	569.277.352
Thuế thu nhập cá nhân	428.274.033	1.404.887.371
	508.757.645	1.974.164.723

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí lưu ký chứng khoán	529.749.884	-
Chi phí trích trước chi phí hợp đồng tư vấn	-	700.000.000
Chi phí trích trước thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	210.410.472	121.427.004
Chi phí lãi tiền gửi nhà đầu tư	71.383.635	446.519.099
Chi phí phải trả khác	457.645.986	565.411.489
	1.269.189.977	1.833.357.592

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch thanh toán bù trừ 3 ngày cuối kỳ	73.160.621.000	57.830.240.123
Phải trả, phải nộp khác	3.242.488.319	3.659.860.705
	76.403.109.319	61.490.100.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	598.413.000.000	67.439.970.360	6.740.232.026	(78.132.088.502)	594.461.113.884
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.021.994.582	5.021.994.582
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tại ngày 01/01/2015	598.413.000.000	67.439.970.360	6.740.232.026	(73.610.093.920)	598.983.108.466
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(5.671.634.674)	(5.671.634.674)
Trích lập quỹ khen- thưởng phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	(398.400.000)	(398.400.000)
Tại ngày 30/6/2015	598.413.000.000	67.439.970.360	6.740.232.026	(80.180.128.594)	592.413.073.792

	30/6/2015	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	59.841.300	598.413.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	59.841.300	598.413.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	59.841.300	598.413.000.000
Biến động số cổ phần trong kỳ như sau:	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	
	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	59.841.300	598.413.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	59.841.300	598.413.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. DOANH THU KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu hoạt động mua chứng khoán, bán chứng khoán	178.918.968	1.682.608.465
Doanh thu lãi tiền gửi	3.302.662.002	2.192.803.239
Doanh thu ủy thác quản lý danh mục đầu tư, hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn (*)	6.856.422.986	2.906.765.790
Doanh thu giao dịch ký quỹ chứng khoán	8.183.934.684	10.925.398.371
Doanh thu khác	3.018.605.663	3.325.163.675
	21.540.544.303	21.032.739.540

(*) Phản ánh phần lãi Công ty thu được trong kỳ từ các hợp đồng ký với các tổ chức và cá nhân. Hoạt động ủy thác quản lý danh mục đầu tư Công ty chịu rủi ro và hoạt động hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn Công ty hưởng phí cố định không chịu rủi ro.

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.208.382.840	4.207.449.764
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	393.638.668	430.896.674
Chi phí hoạt động tư vấn	4.668.109.474	3.817.988.633
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	3.684.765.116	1.574.709.300
Chi phí dự phòng	7.790.791.493	13.876.421.619
Chi phí khác	8.512.684.329	7.597.264.648
	27.258.371.920	31.504.730.638

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.662.491.977	1.959.691.095
Chi phí đồ dùng văn phòng	184.631.580	159.601.479
Chi phí khấu hao TSCĐ	846.606.965	938.248.240
Thuế, phí và lệ phí	678.065.450	668.546.446
Chi phí dự phòng (*)	3.654.546.602	134.127.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	7.984.919.766	8.835.292.332
	19.011.262.340	12.695.506.885

(*) Chi phí dự phòng phát sinh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện phần trích lập dự phòng phải thu khó đòi thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
(Lỗ)/Lãi để tính (lỗ)/lãi trên cổ phiếu (VND)	(5.671.634.674)	3.198.208.407
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phần)	59.841.300	59.841.300
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(95)	53

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 09 tháng 5 năm 2012, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại Vũng Tàu đã ký Hợp đồng thuê nhà tại tầng 5, tòa nhà Silver SeaTower, 47 Ba Cu, TP Vũng Tàu với giá thuê ban đầu là 26.250.000 VND/tháng. Theo Phụ lục hợp đồng số 1/01/SilverseaTower/2012, thời hạn thuê là 2 năm, kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2014 đến hết ngày 15 tháng 6 năm 2016.

Ngày 01 tháng 7 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng thuê một phần tòa nhà tại số 18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội với Tổng Công ty Du lịch Hà Nội để làm trụ sở làm việc với giá thuê 190.530VND/m²/tháng. Thời hạn thuê là 10 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2013.

Ngày 27 tháng 4 năm 2015, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại thành phố Hồ Chí Minh đã ký Hợp đồng thuê nhà tại Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 154.416.570 VND/tháng. Thời hạn thuê là 02 năm được tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2015 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2017.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại Đà Nẵng đã ký Hợp đồng thuê nhà tại Lô B2.8.07 và 08 đường Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng với đơn giá thuê năm đầu tiên là 10.000.000 VND/tháng. Thời hạn thuê là 03 năm được tính từ ngày 25 tháng 4 năm 2015 đến hết ngày 24 tháng 4 năm 2018.

20. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG KỲ

CHỈ TIÊU	Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu	1.350.930	22.456.689.000
Trái phiếu	-	-
2. Chứng khoán của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	275.273.317	3.805.149.699.000
Trái phiếu	1.000.000	107.731.000.000
Chứng khoán khác	1.001.600	107.745.680.000
	278.625.847	4.043.083.068.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Cổ đông lớn
Bên liên quan của cổ đông lớn

Trong kỳ, Công ty có một số giao dịch chủ yếu với bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi từ tiền đặt cọc theo hợp đồng dịch vụ môi giới mua gom trái phiếu		
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	1.824.448.611
Doanh thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	620.926.777	430.448.076
- Doanh thu PVN-Index	1.427.401.598	-
- Doanh thu tư vấn	309.376.387	-
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.840.334.440	1.449.800.000
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản phải thu		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	125.000.000	679.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Chỉ tiêu	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Đầu tư chứng khoán, góp vốn VND	Dịch vụ tài chính và tiền gửi VND	Khác VND	Tổng cộng toàn Công ty VND
Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015					
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	6.316.496.376	3.876.363.163	21.540.544.303	8.744.078.271	40.477.482.113
2. Các chi phí trực tiếp	(2.208.382.840)	(8.184.430.161)	(8.512.684.329)	(8.352.874.590)	(27.258.371.920)
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	(3.804.297.565)	(1.905.487.716)	(11.429.587.363)	(1.871.889.696)	(19.011.262.340)
4. Thu nhập khác	-	-	-	138.471.396	138.471.396
5. Chi phí khác	-	-	-	(17.953.923)	(17.953.923)
Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thuế	303.815.971	(6.213.554.714)	1.598.272.611	(1.360.168.542)	(5.671.634.674)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015					
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	221.468.760.574	199.923.505.198	294.817.650.223	3.115.395.231	719.325.311.226
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	122.595.637.742
Tổng Tài sản	221.468.760.574	199.923.505.198	294.817.650.223	3.115.395.231	841.920.948.968
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	133.579.984.238	-	75.507.125.575	33.947.896.016	243.035.005.829
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	6.472.869.347
Tổng Nợ phải trả	133.579.984.238	-	75.507.125.575	33.947.896.016	249.507.875.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	304.018.449.034	268.890.679.368
Phải thu khách hàng và phải thu khác	252.781.512.426	248.632.526.665
Đầu tư ngắn hạn	252.618.834.607	262.512.211.922
Tổng cộng	809.418.796.067	780.035.417.955
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	243.358.317.713	208.184.324.963
Chi phí phải trả	1.269.189.977	1.833.357.592
Tổng cộng	244.627.507.690	210.017.682.555

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, tuy nhiên rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản tiền nhận ứng trước của khách hàng để thu gom trái phiếu và các khoản tiền gửi của Công ty. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hóa lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư bao gồm các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, hợp đồng hợp tác đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hóa danh mục đầu tư và các mức giới hạn cắt lỗ, cắt lỗ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng khi lập báo cáo tài chính.

Đối với các khoản phải thu dịch vụ ký quỹ (margin), Công ty quản lý rủi ro thông qua việc kiểm soát số lượng và giá trị chứng khoán của nhà đầu tư tại bất kỳ thời điểm nào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	304.018.449.034	-	304.018.449.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	252.781.512.426	-	252.781.512.426
Đầu tư ngắn hạn	252.618.834.607	-	252.618.834.607
Tổng cộng	809.418.796.067	-	809.418.796.067

30/6/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	243.358.317.713	-	243.358.317.713
Chi phí phải trả	1.269.189.977	-	1.269.189.977
Tổng cộng	244.627.507.690	-	244.627.507.690
Chênh lệch thanh khoản thuần	564.791.288.377	-	564.791.288.377

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	268.890.679.368	-	268.890.679.368
Phải thu khách hàng và phải thu khác	248.632.526.665	-	248.632.526.665
Đầu tư ngắn hạn	262.512.211.922	-	262.512.211.922
Tổng cộng	780.035.417.955	-	780.035.417.955

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	208.184.324.963	-	208.184.324.963
Chi phí phải trả	1.833.357.592	-	1.833.357.592
Tổng cộng	210.017.682.555	-	210.017.682.555
Chênh lệch thanh khoản thuần	570.017.735.400	-	570.017.735.400

Tài sản đảm bảo

Công ty không cầm cố, thế chấp dưới bất kỳ hình thức nào cho các khoản nợ vào ngày lập báo cáo này.

Công ty đang nắm giữ các tài khoản chứng khoán, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiền ký quỹ tại tài khoản tiền gửi để cầm cố cho các hợp đồng hợp tác đầu tư và hợp đồng giao dịch ký quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày phát hành báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải trình bày trên báo cáo.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét. Một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước được điều chỉnh và phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh và phân loại lại VND	Số trình bày lại VND
Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư ngắn hạn	121	404.596.329.975	(139.754.890.645)	264.841.439.330
Phải thu khách hàng	131	81.273.451.419	139.754.890.645	221.028.342.064


Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập


Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Đặng Minh Quang
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015
